TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú: phố P, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: ngõ T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Doãn Trung A**, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú: phố P, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: ngõ T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị H và anh Doãn Trung A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2006 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Nay chị H, anh A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H, anh A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Doãn Bùi Thái S, sinh ngày 22/02/2007. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 5/2020.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H, anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị H, anh A xác nhận vợ chồng không có khoản nợ nào chung (không vay nợ ai và không cho ai vay nợ) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị H, anh A tự nguyện thỏa thuận để chị H nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H, anh A không yêu cầu Toà án giải quyết bất cứ yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Doãn Trung A.

- Về con chung: Chị H, anh A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Doãn Bùi Thái S, sinh ngày 22/02/2007. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H, anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị H, anh A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị H, anh A để chị H nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014086 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

VŨ LỆ QUYÊN